

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	53,400,509,733	TỔNG SỐ CHI	52,895,117,702
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	714,226,422	I. Chi đầu tư phát triển	45,778,602,239
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	32,626,321	II. Chi thường xuyên	5,793,442,000
III. Thu bổ sung	41,996,626,100	III. Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)	1,323,073,463
- Bổ sung cân đối	4,723,400,000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	37,273,226,100		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1,569,522,510		
V. Thu viện trợ			
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có)	9,087,508,380		
Kết dư ngân sách	505,392,031		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5,277,900,000	5,277,900,000	53,400,509,733	53,400,509,733	1,011.78	1,011.78
I	Các khoản thu 100%	67,000,000	67,000,000	714,226,422	714,226,422	1,066.01	1,066.01
1	Phí, lệ phí	10,000,000	10,000,000	12,754,000	12,754,000	127.54	127.54
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	40,000,000	40,000,000	64,158,000	64,158,000	160.40	160.40
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			14,556,000	14,556,000		
5	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất			334,035,000	334,035,000		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			-			
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			189,978,000	189,978,000		
8	Thu hồi các khoản chi năm trước			-			
9	Thu khác	17,000,000	17,000,000	98,745,422	98,745,422		580.86
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	45,600,000	45,600,000	32,626,321	32,626,321	71.55	71.55
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế GTGT	29,100,000	29,100,000	20,911,760	20,911,760	71.86	71.86
	- Thuế thu nhập cá nhân	16,500,000	16,500,000	11,714,561	11,714,561	71.00	71.00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã						
IV	Thu chuyển nguồn			9,087,508,380	9,087,508,380		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			1,569,522,510	1,569,522,510		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,165,300,000	5,165,300,000	41,996,626,100	41,996,626,100	813.05	813.05
	- Thu bổ sung cân đối	4,757,800,000	4,757,800,000	4,723,400,000	4,723,400,000	99.28	99.28
	- Thu bổ sung có mục tiêu	407,500,000	407,500,000	37,273,226,100	37,273,226,100		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5,277,900,000	0	5,277,900,000	52,895,117,702	45,778,602,239	5,793,442,000	109.77		109.77
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	0			5,546,085,500	5,546,085,500				
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				-					
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	30,000,000		30,000,000	3,457,417,739	3,427,417,739	30,000,000	11,524.73		100.00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	39,000,000		39,000,000	45,247,400		45,247,400	116.019		116.02
6	Chi thể dục thể thao	39,000,000		39,000,000	0			0.00		0.00
7	Chi bảo vệ môi trường	45,000,000		45,000,000	75,000,000		75,000,000	166.6667		166.67
8	Chi các hoạt động kinh tế	31,000,000	0	31,000,000	30,933,186,000	30,862,096,000	71,090,000	10,416.60		8,228.65
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	405,700,000		405,700,000	444,118,240		444,118,240	106.17		106.17
10	Chi sự nghiệp An ninh	211,530,000		211,530,000	231,130,000		231,130,000	50.55		50.55
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,871,215,200	0	3,871,215,200	6,823,395,960	2,443,003,000	4,380,392,960	533.39		115.59
12	Chi cho công tác xã hội	370,000,000	0	370,000,000	3,876,868,600	3,500,000,000	376,868,600	100.00		100.00
13	Chi khác	105,454,800		105,454,800	139,594,800		139,594,800	170.75		170.75
14	Tiết kiệm 10% chi CCTL)	28,000,000		28,000,000	0					
15	Dự phòng	102,000,000		102,000,000						
16	Chi chuyển nguồn sang năm sau				1,323,073,463					

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị khối lượng thực hiện trong năm 2021 (từ ngày 01/01 đến 31/12/2021)	Giá trị thanh toán trong năm 2021 (từ ngày 01/01 đến hết 31/01/2022)			
						Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó Nguồn đóng góp của dân	Tổng số			Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	A	B	1	2	3=4+5+6	7=9+10	8	9.000000	10
	TỔNG SỐ		104,973.818	1,349	80,526.972	45,778.602239	7,841.089	45,778.602239	0
	1/ Công trình chuyển tiếp		54,367.284	0.000	36,717.082	15,102.52250	7,841.089	15,102.52250	0
1	Trường học		20,157.752	0.000	4,659.015	3,698.08550	3,698.086	3,698.08550	0
	Trường THCS Cổ Thành, thành phố Chí Linh; Hạng mục: Công trình phụ trợ Sân trường	2020-2020	998.989		929.139	51.954	51.954	51.954	
	Trường THCS Cổ Thành, thành phố Chí Linh; Hạng mục: Công trình phụ trợ: phá dỡ công trình cũ, xây mới trụ cổng phụ, tường rào nhà bảo vệ, nhà để xe, hệ thống thoát nước sân trường	2020-2020	1,138.450		1,062.749	97.2085	97.2085	97.2085	
	Trường tiểu học Cổ Thành, thành phố Chí Linh; Hạng mục: Công trình phụ trợ: Cổng, tường rào, sân trường và nhà xe giáo viên	2020-2020	577.606		507.929	340.844	340.844	340.844	
	Trường mầm non Cổ Thành; Hạng mục: Nhà bếp, cổng tường rào	2020-2020	1,213.267		1,105.447	500	500	500	
	Xây dựng trường mầm non Cổ Thành, thị xã Chí Linh. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng.	2020-2020	8,556.854		1,053.751	1,000	1,000	1,000	
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Cổ Thành và các công trình phụ trợ	2020-2020	6,606.991			1,208.079	1,208.079	1,208.079	
	Trường Mầm non Cổ Thành, thành phố Chí Linh. Hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà xe, bể nước, sân, thoát nước, nhà khu vui chơi	2020-2020	1,065.595			500	500	500	
2	Sân thể thao, nhà văn hóa		7,113.659	0.000	6,323.396	1,700	1,700	1,700	0
	Xây dựng mới nhà văn hoá khu dân cư Cổ Châu, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2020-2020	2,207.202		1,867.155	114.765	114.765	114.765	
	Xây dựng mới nhà văn hoá khu dân cư Hòa Bình, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2020-2020	1,697.520		1,528.703	388.823	388.823	388.823	
	Xây dựng mới nhà văn hoá khu dân cư Nam Đoàn, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2020-2020	1,420.786		1,397.174	500	500	500	
	Xây dựng mới nhà văn hoá khu dân cư Tu Linh, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2020-2020	1,788.151		1,530.364	696.412	696.412	696.412	

3	Công trình thủy lợi		16,021.956	0.000	13,919.455	7,261.434000	0	7,261.434000	0
	Kiên cố hóa kênh N4-1-2 hệ thống kênh tưới NĐ Phả Lại KDC An Ninh, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh	2020-2020	1,064.115		1,060.440	500		500	
	Xây dựng tuyến kênh cấp; Xây dựng tuyến đường trục chính; Đường dây trung thế và TBA 560kVA-22/0,4kV thuộc Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung 75ha phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2020-2021	14,957.841		12,859.015	6,761.434		6,761.434	
4	Các công trình khác		11,073.917	0.000	11,815.216	2,443.003000	2,443.003	2,443.003000	0
	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nam Đông - Nam Đoài, phường Cổ Thành (GD1)	2020-2020	6,407.812		6,784.967	500	500	500	
	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nam Đông - Nam Đoài, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (GD2)	2020-2020	1,380.875		1,477.526	943.003	943.003	943.003	
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đình Đông, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (giai đoạn 2)	2020-2020	3,285.230		3,552.723	1,000	1,000	1,000	
	2/Công trình khởi công mới		50,606.534	1,349	43,809.890	30,676.079739	0	30,676.079739	0
	Trong đó: CT hoàn thành trong năm		50,606.534	1,349.196	43,809.890	30,676.079739	0	30,676.079739	0
1	Đường giao thông		23,232.859	1,349.196	21,406.660	13,178.2280	-	13,178.2280	0
	Cải tạo nâng cấp đường trục Cổ Thành, thành phố Chí Linh (Đoạn từ đường 17B đến nhà văn hóa Tu Linh)	2021-2021	12,226.49		11,183.69	8,000		8,000	
	Cải tạo, nâng cấp đường trục phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (Đoạn từ Cải cách đi Phao Tân). Hạng mục: Nền, mặt đường và thoát nước	2021-2021	5,978.95		5,195.55	1,500		1,500	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị khu dân cư Phao Tân, phường Cổ Thành. Tuyến từ nhà ông Hồng đến NVH Phao Tân.	2021-2021	864.60	230.04	864.60	634.5570		634.5570	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị khu dân cư Phao Tân, phường Cổ Thành, Tuyến từ NVH Phao Tân đến dốc dê.	2021-2021	864.35	229.94	864.35	634.4050		634.4050	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị khu dân cư Thông Lộc, phường Cổ Thành, Tuyến từ nhà bà Say đến nhà ông Huy.	2021-2021	693.60	188.64	693.60	504.9590		504.9590	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị KDC Nam Đoài, phường Cổ Thành, Tuyến từ ngã ba ông Toàn đến nhà ông La, ông Bắc.	2021-2021	382.30	104.38	382.30	277.9230		277.9230	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị KDC Phao Tân, phường Cổ Thành, Tuyến từ dốc dê ông Toàn đến nhà ông Cường.	2021-2021	698.81	190.77	698.81	508.0380		508.0380	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị khu dân cư Hoà Bình, phường Cổ Thành, Tuyến từ nhà ông Sâm đến nghĩa trang.	2021-2021	912.77	242.68	912.77	670.0860		670.0860	

	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông đô thị KDC Hoà Bình, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh. Tuyển từ nhà ông Thuận đến nhà văn hoá.	2021-2021	611.00	162.74	611.00	448.2600		448.2600	
2	Trường học		2,793.178	0	2,221.798	1,848.000000	0	1,848.000000	0
	Xây dựng nâng tầng 3 nhà lớp học 2T 8P trường THCS Cổ Thành	2021-2021	2,793.178		2,221.798	1,848		1,848	
3	Nhà văn hoá		3,022.226	0.000	2,675.741	1,727.417739	0	1,727.417739	0
	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Gốm, Hạng mục: Sân Đền Thủy, Phường Cổ Thành, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2021-2021	1,172.864		1,103.854	628.510639		628.510639	
	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Thành Lập - phường Cổ Thành. Hạng mục: Nhà văn hóa	2021-2021	1,849.362		1,571.887	1,098.9071		1,098.9071	
4	Nghĩa trang		5,562.579	0	4,845.597	3,500	-	3,500	0
	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ phường Cổ Thành	2021-2021	5,562.579		4,845.597	3,500		3,500	
5	Công trình thủy lợi		435.160	0.000	392.632	374.369	-	374.369	0
	Sửa chữa, xây lại 07 cống giao thông thủy lợi trên địa bàn phường Cổ Thành	2021-2021	435.160		392.632	374.369		374.369	
6	Các công trình khác		15,560.532	0	12,267.462	10,048.065	-	10,048.065	0
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nam Đông – Nam Đoài, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (Giai đoạn 3)	2021-2021	14,274.183		11,285.652	9,348.065		9,348.065	
	Xây dựng đường dây hạ thế 0,4kV cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Giai đoạn 1)	2021-2021	1,286.349		981.810	700.000		700.000	